**NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TICO**

**DỰ THẢO**

* *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;*
* *Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khá XI thông qua ngày 29/06/2006;*
* *Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017.*

| **STT** | **NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH** | **NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG** | **CĂN CỨ PHÁP LÝ** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Bổ sung căn cứ | - Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;  - Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng  Chúng tôi, gồm những cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày … tháng 05 năm 2018 đã biểu quyết thông qua Điều lệ sửa đổi này để làm cơ sở cho toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần TICO. | *Sửa đổi phù hợp với quy định mới* |
|  | Khoản 1, Điều 1Công ty là Công ty Cổ phần TICO. |  |  |
|  | Khoản 2, Điều 1 2. Vốn Điều lệ là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi trong Điều lệ Công ty. | Điểm a, khoản 1, Điều 1 a. Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này; | *Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 111 LDN2014* |
|  | Khoản 3, Điều 13. Cổ phần là các phần hùn vốn có giá trị ngang nhau, tạo thành vốn điều lệ của Công ty. | Đề xuất bỏ vì không còn phù hợp với định nghĩa của LDN 2014 |  |
|  | Khoản 4, Điều 14. Cổ phiếu là chứng chỉ góp vốn do Công ty phát hành hay bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên. | Khoản 2 Điều 7 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp. | *Sửa đổi phù hợp Khoản 1, Điều 120 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13* |
|  | Khoản 5, Điều 15. Trái phiếu là hình thức nhận nợ của Công ty đối với chủ nợ do Công ty phát hành dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành, xác nhận nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của Công ty đối với người sở hữu trái phiếu. | Đề xuất bỏ vì không còn phù hợp với định nghĩa của pháp luật hiện hành. |  |
|  | Khoản 6, Điều 16. Cổ đông là thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty. | Khoản 1, Điều 12 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. | *Sửa cho phù hợp với Khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC* |
|  | Khoản 7, Điều 17. Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty và sở hữu cổ phần theo quy định của Điều lệ này. | Bỏ vì hiện công đông sáng lập đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng |  |
|  | Khoản 8, Điều 18. Nhóm cổ đông là một số cổ đông của Công ty tự thỏa thuận với nhau để hợp nhóm nhằm mục đích thực hiện các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | Đề xuất bỏ vì không còn phù hợp với định nghĩa của LDN 2014 |  |
|  | Khoản 9, Điều 19. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được chia cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính. | Đề xuất bỏ vì không còn phù hợp với định nghĩa của LDN 2014 |  |
|  | **Không quy định** | Điểm b, khoản 1, Điều 1b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; | Bổ sung cho phù hợp |
|  | **Không quy định** | Điểm c, khoản 1, Điều 1c."Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010; | Bổ sung cho phù hợp |
|  | **Không quy định** | Điểm d, khoản 1, Điều 1 d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu; | Bổ sung cho phù hợp |
|  | Khoản 10, Điều 1 10. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:  a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con;  b. Công ty con đối với công ty mẹ;  c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Công ty thông qua các cơ quan quản lý Công ty;  d. Người quản lý Công ty;  e. Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của người quản lý Công ty, cổ đông sở hữu cổ phần chi phối;  f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a,b,c,d, và e khoản này;  g. Doanh nghiệp trong đó những người quy định tại các điểm a,b,c,d,e,f và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý Công ty;  h. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thâu tóm cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty. | Điểm f, khoản 1, Điều 1 f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán; | *Sửa đổi theo quy định của Khoản 9 Điều 2 NĐ71/2017/NĐ-CP* |
|  | **Khoản 11, Điều 1**  11. Người quản lý Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên HĐQT, Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại điều lệ này. | **Điểm e, Khoản 1, Điều 1**  e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và các cán bộ khác được Hội đồng Quản trị chỉ định làm người điều hành doanh nghiệp. | *Sửa đổi phù hợp Khoản 5, Điều 2, NĐ71* |
|  | **Khoản 12, Điều 1**  12. Một công ty được coi là công ty mẹ của Công ty; hoặc Công ty là mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:  b. Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của công ty con;  c. Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty con;  d. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: *1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ*  *2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này*  *=> FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định.* |  |
|  | **Khoản 13, Điều 1**  13. Vốn có quyền biểu quyết là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông | *Đề xuất bỏ vì không còn phù hợp với định nghĩa của LDN 2014* |  |
|  | **Khoản 14, Điều 1**  14. Giá thị trường của cổ phần là giá giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định. | *Đề xuất bỏ vì không còn phù hợp với định nghĩa của pháp luật hiện hành* |  |
|  | **Khoản 15, Điều 1**  15. **ĐHCĐ, ĐHĐCĐ :** Đại hội đồng cổ đông Công ty | *Đề xuất bỏ vì không còn phù hợp với Điều lệ sửa đổi* |  |
|  | **Khoản 16, Điều 1**  **16. HĐQT** : Hội đồng Quản trị Công ty. | *Đề xuất bỏ vì không còn phù hợp với Điều lệ sửa đổi* |  |
|  | **Khoản 17, Điều 1**   1. BKS : Ban Kiểm soát Công ty. | *Đề xuất bỏ vì không còn phù hợp với Điều lệ sửa đổi* |  |
|  | *Chưa quy định* | Điểm g, khoản 1, Điều 1 "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán | *Phù hợp Khoản 3, Điều 2, NĐ71* |
|  | **Không quy định** | Điểm h, khoản 1, Điều 1 h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết; | *Bổ sung cho phù hợp* |
|  | **Không quy định** | Điểm i, khoản 1, Điều 1i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. | *Bổ sung cho phù hợp* |
|  | **Không quy định** | Điểm j, khoản 1, Điều 1 j. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài. | *Bổ sung cho phù hợp* |
|  | **Không quy định** | Khoản 2, Điều 1 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. | *Bổ sung cho phù hợp* |
|  | **Không quy định** | Khoản 3, Điều 1 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này. | *Bổ sung cho phù hợp* |
|  |  | II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY | *Bổ sung cho phù hợp* |
|  | **Điều 2**  1.Công ty Cổ phần TICO là doanh nghiệp được thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Bột giặt TICO, có tư cách pháp nhân và con dấu riêng, hạch toán độc lập, Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.  2.Các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: *1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ*  *2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này* => FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | **Không quy định** | Khoản 2, Điều 2 2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. | *Bổ sung cho phù hợp* |
|  | Khoản 1, Điều 4…. **-** Điện thoại: (08)39641433 – (08)39641468  - Fax: (08)39641478  …… | Khoản 3, Điều 2 ……………  **-** Điện thoại: (028) 39641433 – (028) 39641468  - Fax: (028) 39641478 ………… | *Sửa theo mã vùng mới* |
|  | Khoản 2, Điều 4 2. Chi nhánh:  a. Địa chỉ: Số 83/2B, khu phố 1B, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.  b. Điện thoại: 0650.3710108 Fax: 0650.3710109  c. E- mail: abs@ticovietnam.com.vn  d. Website: http://www.ticovietnam.com.vn |  |  |
|  | Khoản 3, Điều 43. Trụ sở Công ty và chi nhánh có thể di dời đi nơi khác theo yêu cầu hoạt động phát triển kinh doanh của Công ty. Việc thay đổi trụ sở chính sẽ do HĐQT quyết định. | Khoản 3, Điều 2 Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. | *Sửa đổi theo quy định của Điều 46 LDN 2014* |
|  | Điều 5 1. Con dấu là tài sản của Công ty được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phải được lưu và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty.  2. Hội đồng quản trị, Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo đúng quy định của pháp luật. | Điều 52. Con dấu 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.  2. Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. | *Sửa lại cho phù hợp điều 44 LDN 2014* |
|  | Khoản 1, Điều 6Mục đích hoạt động của Công ty là phát triển bền vững các hoạt động sản xuất , kinh doanh, tạo lợi nhuận cho Công ty, trả cổ tức cho các cổ đông và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, tạo việc làm, nâng cao đời sống người lao động trong Công ty. | **Khoản 2 Điều 4**  2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:  Phát triển bền vững các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo lợi nhuận cho Công ty, trả cổ tức cho các cổ đông và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, tạo việc làm, nâng cao đời sống người lao động trong Công ty. | *Sửa cho phù hợp với Khoản 1 Điều 4 Điều lệ sửa đổi* |
|  | Khoản 2, Điều 6Phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên lãnh thổ của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam theo nội dung của các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp. | **Điều 5: Phạm vi kinh doanh và hoạt động** 1.Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. | *Sửa đổi phù hợp điểm a, Khoản 1, Điều 33 LDN2014* |
|  | Khoản 3, Điều 6  1. Lĩnh vực hoạt động :    1. Mua bán các thiết bị máy móc công nghệ hóa học, các nguyên liệu phục vụ cho sản xuất hóa chất và các mặt hàng tẩy rửa.    2. Sản xuất Bột giặt, Kem giặt, Xà bông thơm, Kem đánh răng, các chất hoạt động bề mặt LAS, LEOS, SLS, SLES … và các chất tẩy rửa khác.    3. Đầu tư và kinh doanh bất động sản ; cho thuê nhà, xưởng, kho bãi ; dịch vụ quản lý cao ốc ; đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác.    4. Kinh doanh các dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu và các dịch vụ khác.   Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có thể bổ sung thêm những ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty theo quy định của pháp luật và theo quyết định của Hội đồng Quản trị (HĐQT). | Khoản 1, Điều 4  1. Ngành nghê kinh doanh của Công ty là:  |  |  | | --- | --- | | **Mã ngành** | **Tên ngành nghề kinh doanh** | | 4669 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu  Chi tiết: Mua bán bột giặt, kem giặt, xà phòng thơm, kem đánh răng. Kinh doanh các chất hoạt động bề mặt DBSA, LABS, LAS, LEOS. | | 1709 | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu  Chi tiết: Sản xuất bao bì giấy nhựa (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy - hạt nhựa, luyện cán cao su tại trụ sở). | | 1811 | In ấn  Chi tiết: In trên bao PE, carton, ống nhôm (flexco) (không hoạt động tại trụ sở) | | 4659 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác  Chi tiết: Mua bán các thiết bị máy móc công nghệ hoá học, các nguyên liệu phục vụ cho sản xuất hóa chất và các mặt hàng tẩy rửa. | | 2023 | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh  Chi tiết: Sản xuất các chất hoạt động bề mặt LAS (Linear Alkyn Benzen Sulphonic Acid), SLS (Sodium Lauryl Sulphate), SLES (Sodium Lauryl Ether Sulphate), bột giặt, kem giặt, xà bông thơm, kem đánh răng và các chất tẩy rửa (không hoạt động tại trụ sở) | | 4933 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ  Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. | | 4932 | Vận tải hành khách đường bộ khác  Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách liên tỉnh-nội tỉnh | | 5229 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải  Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. | | 5510 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày  Chi tiết: Kinh doanh nhà trọ (không hoạt động tại Tp HCM) | | 5610 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động  Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân | | 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  Chi tiết: Kinh doanh bất động sản | | 6820 | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất  Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản. | | *Sửa đổi phù hợp với Điều 7, Luật DN 2014 và ngành, nghề kinh doanh mà Công ty đăng ký trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia* |
|  | Khoản 4, Điều 6Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm. Công ty có thể chấm dứt hoạt động khi bị giải thể, phá sản hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông (ĐHCĐ). Việc giải thể phá sản Công ty được quy định tại Chương IX của Điều lệ này và các quy định của pháp luật về giải thể, phá sản doanh nghiệp. | Khoản 4, Điều 24. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm. | *Sửa đổi cho phù hợp* |
|  | Điều 7 Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. | Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Số lượng người đại diện theo pháp luật là một (01) người. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.  2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.  3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.  4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.  Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty. | *Sửa đổi cho phù hợp với cấu trúc của Điều lệ mẫu*  *Sửa đổi phù hợp với Khoản 5, Điều 13, Luật DN 2014* |
|  | Điều 8  1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật. 2. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này. | CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀNĐiều 44. Công nhân viên và công đoàn 1. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.  2. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành. | *Sửa đổi phù hợp với Điều 43 Điều lệ mẫu Thông tư 95* |
|  | Chương II: VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN KHÁC, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG | CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN |  |
|  | Khoản 1, Điều 9  1. Vốn điều lệ được góp bằng tiền Việt Nam, vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, hiện vật, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, và các tài sản khác theo quy định của pháp luật. Vốn góp phải phục vụ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam (VNĐ). 2. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 14/01/2014 là 65.087.550.000 đồng (Sáu mươi lăm tỷ không trăm tám mươi bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), chia thành 6.508.755 cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng (mười ngàn đồng). | Khoản 1, Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần 1. Vốn điều lệ của Công ty là 65.087.550.000 đồng (Sáu mươi lăm tỷ không trăm tám mươi bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 6.508.755 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần. | *Sửa đổi cho phù hợp với quy định hiện hành* |
|  | Khoản 3, Điều 9  1. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho các hoạt động:    1. Mua sắm tài sản cố định và các trang thiết bị cần thiết cho hoạt động của Công ty.    2. Sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.    3. Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.    4. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ động dưới bất kỳ hình thức nào. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: 1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ 2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này=> FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | Khoản 4, Điều 9  1. Vốn điều lệ của Công ty có thể được tăng hoặc giảm tùy theo nhu cầu kinh doanh và quy mô hoạt động của Công ty. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ sẽ do ĐHĐCĐ xem xét và quyết định. Thủ tục tăng hoặc giảm vốn điều lệ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành 2. Sau khi tăng hoặc giảm vốn điều lệ, Công ty phải đăng ký vốn điều lệ mới với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và công bố vốn điều lệ mới của Công ty theo quy định của pháp luật. | Khoản 2, Điều 6 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. | *Sửa đổi phù hợp với thực tế có thể tăng vốn theo Điều 122 hoặc giảm vốn theo Khoản 2, Điều 131 LDN2014* |
|  | Không quy định | Khoản 3, Điều 6 3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này. | *Bổ sung cho phù hợp* |
|  | Không quy định | Khoản 4, Điều 6 4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. | *Bổ sung cho phù hợp* |
|  | Không quy định | Khoản 5, Điều 6 5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá. | *Bổ sung cho phù hợp* |
|  | Không quy định | Khoản 6, Điều 6 6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này. | *Bổ sung cho phù hợp* |
|  | Không quy định | Khoản 7, Điều 6 7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật. | *Sửa đổi phù hợp với Điều 6 Thông tư 95* |
|  | **Không quy định** | Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.  2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.  3. Trong thời hạn 30 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. 4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. | *Sửa đổi phù hợp Khoản 1, Điều 120 LDN2014* |
|  | **Không quy định** | Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khácChứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công | *Sửa đổi phù hợp với Điều 8 Thông tư 95* |
|  | Khoản 1, 2 Điều 101.Công ty được vay vốn của các ngân hàng, các tổ chức tín dụng hoặc phát hành các loại trái phiếu, cổ phiếu và các hình thức huy động khác để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Việc phát hành trái phiếu do ĐHĐCĐ quyết định. 2.Khi có sự phê chuẩn của ĐHĐCĐ, Công ty có thể phát hành trái phiếu, cổ phiếu để huy động vốn. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: 1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ  2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này  => FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | Khoản 3, Điều 10 Công ty thừa nhận quyền chuyển nhượng, cầm cố và thừa kế của các chủ nợ sở hữu trái phiếu của Công ty. Việc chuyển nhượng, cầm cố và thừa kế phải tuân theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.  2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật. | *Sửa đổi phù hợp với Điều 9 Thông tư 95* |
|  | Không quy định | Điều 10. Thu hồi cổ phần 1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.  2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.  3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.  4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.  5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố và áp dụng) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.  6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo. | *Sửa đổi phù hợp với Điều 10 Thông tư 95* |
|  | Điều 11  1. Hiện tại Công ty chỉ có một loại cổ phần là cổ phần phổ thông có ghi danh, người sở hữu loại cổ phần này là cổ đông phổ thông. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ sẽ quyết định có thêm loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật. 2. Tài sản góp vốn cổ phần trong quá trình hoạt động do Công ty và người góp vốn thoả thuận định giá hoặc do một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và Công ty chấp thuận; nếu tài sản góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì người góp vốn hoặc tổ chức định giá và người đại diện theo pháp luật của Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty bằng số chênh lệch giữa giá trị được định và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá. 3. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: *1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ* 2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này=> FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | Điều 12Công ty phát hành cổ phiếu dươi hình thức sổ chứng nhận sở hữu cổ phần, gồm các nội dung chủ yếu: a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;  b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;  c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;  d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;  đ) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;  e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty (nếu có);  g) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu; | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: *1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ* 2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này=> FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | Điều 13  1. Cổ phần, cổ phiếu của Công ty được chuyển nhượng, thừa kế theo quy định của pháp luật và điều lệ này. Trong thời gian Công ty chưa niêm yết cổ phần, cổ phiếu lên thị trường chứng khoán, việc mua bán, chuyển nhượng cổ phiếu phải đăng ký, làm thủ tục tại trụ sở̉ chính của Công ty . 2. Cổ phần, cổ phiếu mà người lao động của Công ty mua với giá ưu đãi trả dần trong 10 năm được tự do chuyển nhượng sau khi thanh toán hết khoản nợ trả chậm cho Nhà nước. 3. Sau khi Công ty niêm yết cổ phần, cổ phiếu lên thị trường chứng khoán phát hành thêm cổ phần, cổ phiếu thì mọi hoạt động đăng ký chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu sẽ tuân theo sự điều chỉnh của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: *1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ* 2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này=> FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | Điều 14  * 1. Cổ phần của Công ty được thừa kế theo quy định của pháp luật.   2. Trường hợp cổ đông là tổ chức khi có sự thay đổi do việc chia tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi thì cổ đông phải gửi thông báo bằng văn bản cho Công ty về việc thay đổi của mình. Tổ chức được thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông phải gửi cho Công ty các văn bản pháp lý về việc thừa kế quyền và nghĩa vụ của mình và các thông tin có liên quan đến việc thừa kế đó.   3. Tổ chức hoặc cá nhân nhận thừa kế phải thực hiện đầy đủ các thủ tục thừa kế và phải đăng ký quyền sở hữu các cổ phần được thừa kế tại Công ty để trở thành cổ đông và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông.   4. Người thừa kế số cổ phần ưu đãi trả dần phải chịu trách nhiệm trả tiếp khoản nợ còn lại (nếu có). Cổ phần ưu đãi trả dần của cổ đông quá cố mà không có người thừa kế thì cổ phần đó được thu hồi và trả lại cho Nhà nước.   5. Cổ phần của các thành viên HĐQT và thành viên BKS cũng được thừa kế theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, nhưng người thừa kế cổ phần này không phải đương nhiên là thành viên HĐQT và thành viên BKS. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: *1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ* 2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này=> FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | Điều 15  1. Cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.    1. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức quốc tịch Việt Nam không hạn chế.    2. Tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài không vượt quá 10% vốn Điều lệ. 2. Cổ đông được công nhận chính thức khi được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông giữ tại Công ty. 3. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này có các nội dung chủ yếu sau đây :    1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;    2. Danh sách cổ đông ,họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;    3. Số lượng cổ phần,cổ phiếu từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.    4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: *1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ* 2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này=> FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | Điều 16  1. Cổ đông có các quyền sau:    1. Tham dự, phát biểu và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền trong các kỳ ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ này, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;    2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;    3. Được ưu tiên mua cổ phần mới phát hành tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;    4. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại Điều 13 của Điều lệ này;    5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông, Danh sách cổ đông có quyền tham gia ĐHĐCĐ, yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác trong các danh sách đó;    6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ ;    7. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu vào Công ty;    8. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:    1. Đề cử người vào HĐQT và BKS;    2. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS;    3. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;    4. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;    5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHCĐ trong các trường hợp sau đây:    1. HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;    2. Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá sáu tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;   Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.   1. Việc đề cử người vào HĐQT và BKS quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:    1. Các cổ đông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc ĐHĐCĐ;    2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử. 2. Cổ đông có quyền ủy quyền cho người khác (là cá nhân hoặc tổ chức) có đủ năng lực Pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình thực hiện các quyền của cổ đông tại Công ty hoặc thay đổi hay hủy bỏ sự ủy quyền đó.    1. Cổ đông là tổ chứccó quyền cử một hoặc một nhóm người đại diện tại Công ty, số cổ phần ủy quyền phải xác định cụ thể cho từng người đại diện. Công ty phải gửi thông báo về người đại diện quy định tại điểm này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo ủy quyền.    2. Việc ủy quyền cho người đại diện hay hủy bỏ sự ủy quyền đó phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày văn bản thông báo được phát hành. Văn bản ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày Công ty nhận đươc thông báo. 3. Thông báo ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây :    1. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;    2. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;    3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;    4. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;    5. Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;    6. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông. | 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;d. Được Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | *Sửa đổi phù hợp với Điều 114, LDN2014*  *Căn cứ khoản 2 Điều 114 LDN 2014* |
|  | Điều 17  1. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ Công ty. 2. Chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ , HĐQT. 3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. 4. Không được rút vốn dưới bất kỳ hình thức nào. 5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty. 6. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:    1. Vi phạm pháp luật;    2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;    3. Thanh toán đầy đủ các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: 1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ  2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này => FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | Chương III: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN, THU HỒI TIỀN THANH TOÁN MUA CỔ PHẦN HOẶC CỔ TỨC |  |  |
|  | Khoản 1, Điều 18  1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này. 2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường (khi Công ty tham gia thị trường chứng khoán) hoặc giá thỏa thuận (khi Công ty tham chưa gia thị trường chứng khoán) trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. | *Bỏ vì đã được quy định tại Điều 12 Điều lệ sửa đổi* |  |
|  | Điều 19 Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:   1. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định; 2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường; 3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.   Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày Công ty thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: 1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ  2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này => FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | Điều 20Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo Điều 18 và 19 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.Cổ phần được mua lại theo Điều 18 và 19 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.  1. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do chậm hoặc không tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty. 2. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo đến tất cả chủ nợ trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.  Điều 21 Trường hợp thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 65 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại. | *Sửa đổi bổ sung theo Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Điều lệ sửa đổi* |  |
|  | Chương IV: TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY | CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT |  |
|  | Điều 22 Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty bao gồm: ĐHĐCĐ , HĐQT, BKS, Giám đốc và bộ máy giúp việc. | Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:  1. Đại hội đồng cổ đông;  2. Hội đồng quản trị;  3. Ban kiểm soát; 4. Giám đốc điều hành. | *Sửa đổi cho phù hợp với chức danh của Công ty* |
|  | Không quy định | Khoản 2, Điều 12 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:  a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;  b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;  d. Được Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;  e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;  f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;  g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;  h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;  i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;  j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | *Sửa đổi phù hợp với Điều 114, LDN2014* |
|  | Không quy định | Khoản 3, Điều 12 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:  a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;  b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;  c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;  d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;  e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | *Căn cứ khoản 2 Điều 114 LDN 2014* |
|  | Không quy định | Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:  1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.  2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:  a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;  b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;  c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;  d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.  3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.  4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.  5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành  6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a. Vi phạm pháp luật;  b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;  c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty. | *Sửa đổi cho phù hợp Điều 140 LDN2014* |
|  | Điều 23  * 1. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.   2. ĐHĐCĐ có: ĐHĐCĐ thành lập, ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường. | Bỏ vì đã được quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty |  |
|  | Điều 24: Quyền và nhiệm vụ của đại hội cổ đông  * 1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;   2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;   3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;   4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;   5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;   6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;   7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;   8. Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKSgây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;   9. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;   10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. | Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:  a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;  b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;  c. Báo cáo của Ban kiểm soát;  d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.  2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:  a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;  b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;  c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;  d.Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;  e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;  f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;  g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;  h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;  i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;  j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;  k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;  l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;  m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;  n. Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;  o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.  3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:  a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;  b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.  4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. | *Sửa đổi phù hợp Điều 135 LDN 2014* |
|  | Điều 25 1. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.  2. ĐHĐCĐ thường niên phải họp trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong truờng hợp đăc biệt theo đề nghị của HĐQT và được cơ quan đăng ký kinh doanh cho phép, có thể gia hạn nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.  ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:  a. Báo cáo tài chính hằng năm;  b. Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;  c. Báo cáo của BKS về quản lý Công ty của HĐQT, Tổng giám đốc;  d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;  e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.  3. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:  a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;  b. Số thành viên HĐQT, BKS giảm quá một phần ba theo quy định của Điều lệ này;  c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này;  d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;  e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.  4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.  Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.  5. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ này.  Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Trưởng BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.  6. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ này. Nếu xét thấy cần thiết cổ đông hoặc nhóm cổ đông này có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ.  7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.  8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐĐHCĐ theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. | Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.  2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.  3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:  a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;  b. Báo cáo tài chính kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;  c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;  d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;  e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;  f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.  4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường  a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e khoản 3 Điều này;  b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;  c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại. | *Sửa đổi phù hợp Điều 136 Luật DN 2014*  *Sửa đổi phù hợp Khoản 4, Điều 8 NĐ 71/2017/NĐ-CP* |
|  | Điều 26 1. Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông là danh sách các cổ đông sở hữu cổ phần được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách này được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ.  2. Danh sách phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.  3. Các cổ đông trong danh sách vì lí do cá nhân không thề đến dự ĐHĐCĐ được thì có thể uỷ quyền cho đại diện thay thế theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ này.  4. Các cổ đông sở hữu không đủ số lượng cổ phần tối thiểu phải tự nhóm lại cử đại diện tham dự ĐH theo thể thức quy định tại Điều 27 của điều lệ này.  5. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần sau khi lập xong danh sách và trước khi khai mạc kỳ họp ĐHĐCĐ thì người chuyển nhượng vẫn được quyền tham dự cuộc họp Đại hội cổ đông đó.  6. Cổ đông sở hữu cổ phần vào thời điểm sau khi danh sách đã lập xong thì không có quyền dự đại hội.  7. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục danh sách; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung thêm những thông tin cần thiết trong danh sách.  8. Thành viên HĐQT, BKS, Giám Đốc Công ty không phải là cổ đông của Công ty, là đại biểu dự Đại hội nhưng không có quyền biểu quyết. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: 1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ  2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này => FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  |  | CHƯƠNG V: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG |  |
|  | Khoản 1, Điều 27 1.Cổ đông là cá nhân hoặc đại diện nhóm cổ đông là đại biểu dự ĐHĐCĐ, nhưng vì không thể tham dự Đại hội thì được phép ủy quyền cho người khác tham dự . ( theo mẫu quy định )  2.Cổ đông chỉ được ủy quyền cho một thể nhân trọn vẹn số cổ phần do mình sở hữu mà không được xé lẻ ủy quyền cùng lúc cho nhiều người tham dự Đại hội .  3.Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu mới có giá trị.  4.Việc ủy quyền chỉ được thực hiện một lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.  5.Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng cách lập văn bản thông báo cho HĐQT trước 07 ngày khai mạc Đại hội . | Điều 16. Đại diện theo ủy quyền 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.  2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:  a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;  b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;  c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.  Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.  3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).  4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:  a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;  b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;  c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.  Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại. | *Sửa đổi căn cứ Điều 16 Điều lệ mẫu thông tư 95* |
|  | Điều 28 1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.  2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.  3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:  a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;  b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội cổ đông;  c. Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.  4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận. Điều 29 1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.  Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.  2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp | Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.  2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:  a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;  b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;  c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;  d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;  e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;  f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;  g. Các công việc khác phục vụ đại hội.  3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết/bầu cử tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:  a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;  b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;  c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;  d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;  e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.  4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.  5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị liên quan đến khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:  a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;  b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;  c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | *Sửa đổi phù hợp với Điều 136, Điều 137, Điều 138 LDN2014* |
|  | Điều 30 1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.  2. Cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.  3. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.  4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này. | Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.  2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.  3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. | *Sửa đổi cho phù hợp Điểu 148 LDN 2014* |
|  | Điều 311. Trước ngày khai mạc cuộc họp tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu cùa mình hay số cổ phần mà mình đại diện và tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.2. Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định như sau:a. Chủ tịch HĐQT làm chủ toạ cuộc họp ; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ toạ thì thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;c. Chủ toạ cử một người làm thư ký lập biên bản họp ĐHĐCĐ ;d. ĐHĐCĐ bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ toạ cuộc họp;3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;4. Chủ toạ và thư ký họp ĐHĐCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;7. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền:a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ ;8. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;9. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng. | Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.  2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử , trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.  3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.  4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.  Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.  5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.  6. Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp..  7. Chủ toạ của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.  8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.  9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:  a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;  b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;  c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.  Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.  10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:  a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);  b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;  Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.  11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.  12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. | *Sửa đổi phù hợp Điều 142 LDN2014* |
|  | Điều 32  1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, theo đó mỗi cổ đông hoặc người đại diện cổ đông tham dự ĐHĐCĐ có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc cổ phần đại diện tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ :    1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;    2. Thông qua định hướng phát triển Công ty;    3. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;    4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;    5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;    6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;    7. Tổ chức lại, giải thể Công ty. 3. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây: 4. Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. 5. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. 6. Tổng số phiếu biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS được tính trên tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và BKS, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. 7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định. 8. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. 9. Quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. | Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:  a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;  b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;  c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;  d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất của công ty;  e. Tổ chức lại, giải thể công ty.  2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.  3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.  Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.  Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện Khoản 2 Điều này.  4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định. | *Sửa đổi cho phù hợp Căn cứ Điều 144 LDN2014* |
|  | Điều 33 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:  1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; Trong trường hợp này nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.  2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;  Phiếu lấy ý kiến có các nội dung chủ yếu sau đây:  a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;  b. Mục đích lấy ý kiến;  c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;  d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;  e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;  f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;  g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;  4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây :  a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;  b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.  Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;  5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của nhóm cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty (tối thiểu 3 người) .  6. Biên bản kiểm phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây:  a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;  b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;  c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;  d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;  e. Các quyết định đã được thông qua;  f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.  Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;  7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;  8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;  9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ | Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:  1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau:  a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;  b. Định hướng phát triển công ty;  c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;  d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;  e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;  f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;  g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;  h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;  i. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.  2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.  3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;  b. Mục đích lấy ý kiến;  c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;  d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;  e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;  f) Phương án bầu cử (nếu có);  g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;  h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.  4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.  5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:  a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;  b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.  Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.  6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;  b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;  c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;  d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;  e. Các vấn đề đã được thông qua;  f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.  Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.  7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.  8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.  9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo điều 21 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. | *Sửa đổi cho phù hợp Khoản 2 Điều 143, ĐIều 145 LDN 2014* |
|  | Khoản 1, Điều 34 1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản lập bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau với các nội dung chủ yếu sau đây:  a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;  b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ ;  c. Chương trình và nội dung cuộc họp;  d. Chủ toạ và thư ký;  e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;  f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;  g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;  h. Các quyết định đã được thông qua;  i. Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.  2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.  3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.  Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.  Biên bản họp ĐHĐCĐ , phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. | Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:  a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;  b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;  c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;  d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;  e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;  f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;  g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;  h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên;  i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;  j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.  Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.  2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.  3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.  4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.  5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. | *Sửa đổi cho phù hợp Khoản 1, Điều 146 LDN2014* |
|  | Điều 35 Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 6 Điều 1 của điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:  1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật này;  2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. | Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:  1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.  2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.  Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. | *Sửa đổi cho phù hợp Phù hợp Điều 147 LDN 2014* |
|  | **Không quy định** | **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**  1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:  a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;  b. Trình độ học vấn;  c. Trình độ chuyên môn;  d. Quá trình công tác;  e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;  f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;  g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);  h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);  i. Các thông tin khác (nếu có).  2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên trở lên.  3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật. | *Sửa lại cho phù hợp Điều 11 Nghị định 71* |
|  | ĐIỀU 36. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.      1. HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:    1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;    2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;    3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;    4. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;.    5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ này;    6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty;    7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 53 của Điều lệ này;    8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác theo Điều lệ Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;    9. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;    10. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;    11. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;    12. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;    13. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;    14. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;    15. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 2. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.  Không quy định | **Điều 27: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**  1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.  2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:  a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;  b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;  c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;  d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;  e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;  f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;  g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;  h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;  i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;  j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;  k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;  l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;  m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;  n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;  o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;  p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).  3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:  a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;  b. Thành lập các công ty con của Công ty;  c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;  d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;  đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;  e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách ... và ngân sách kinh doanh hàng năm hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;  g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;  h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;  i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;  k. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;  l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.  4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.  5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty. | *Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 149 LDN 2014*  *Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 149 LDN 2014*  *Sửa lại cho phù hợp với Điểm a, Khoản 1, Điều 37 NĐ58-2012* |
|  | ĐIỀU 37.**NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**   1. HĐQT Công ty có 5 thành viên. Số thành viên HĐQT phải thường trú ở Việt Nam ít nhất 3 người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc. 3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. 4. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. | **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**  1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.  2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:  Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.  3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:  a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;  b. Có đơn từ chức;  c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;  d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;  e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hôi đồng quản trị;  g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.  4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.  5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty. | *Sửa đổi phù hợp Điều 13 Nghị định 71*  *Sửa đổi phù hợp Điều 156 LDN 2014* |
|  | ĐIỀU 38. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:   1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp; 2. Được đề cử bởi cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16. 3. Người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: 1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ  2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này => FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | ĐIỀU 39. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  1. HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch được bầu trong số thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc Công ty. 2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây: 3. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; 4. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ toạ cuộc họp HĐQT; 5. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT; 6. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT; 7. Chủ tọa họp ĐHĐCĐ; 8. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 9. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán. 10. Chủ tịch HĐQT muốn từ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT phải có đơn gửi đến HĐQT, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT họp và xem xét quyết định và bầu lại Chủ tịch HĐQT mới. | **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**  1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.  2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.  3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.  4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày. | *Sửa đổi phù hợp Điều 152 LDN 2014* |
|  | ĐIỀU 40. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. 2. HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. 3. Cuộc họp định kỳ của HĐQT mỗi quý một lần . 4. Cuộc họp HĐQT bất thường được Chủ tịch HĐQT triệu tập khi xét thấy cần thiết hoặc có một trong các trường hợp sau đây:    1. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên HĐQT;    2. Có đề nghị của Ban kiểm soát;    3. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;    4. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. 5. Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Nếu không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT. 6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.   Thông báo mời họp được gửi trực tiếp hoặc bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.   1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.   Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, được quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.   1. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.   Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.  Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT. | **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**  **Khoản 1 Điều 30**  1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.  **Khoản 2 Điều 30**  2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.  **Khoản 3 Điều 30**  3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:  a. Ban kiểm soát;  b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;  c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;  d. Các trường hợp khác (nếu có).  **Khoản 4 Điều 30**  4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều 30. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.  **Khoản 7 Điều 30**  7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản bằng tiếng Việt, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.  Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.  **Khoản 8 Điều 30**  8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.  Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. | *Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 153 LDN 2014*  *Gộp nội dung bất thường vào chung khi họp bất thường Chủ tịch vẫn phải đảm bảo quy định như cuộc họp định kỳ*  *Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 153 LDN 2014*  *Căn cứ khoản 5 Điều 153 Luật DN 2014*  *Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 153 LDN2014 chậm nhất 3 ngày làm việc*  *Sửa đổi phù hợp khoản 10 Điều 153 LDN 2014*  *Sửa đổi phù hợp khoản 8 Điều 153 LDN 2014* |
|  | Không quy định | **Khoản 5 Điều 30**  5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty. | *Sửa đổi cho phù hợp với thực tế* |
|  | Không quy định | **Khoản 6 Điều 30**  Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị. | *Sửa đổi cho phù hợp với thực tế* |
|  | ĐIỀU 41. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau với các nội dung chủ yếu sau đây: 2. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; 3. Mục đích, chương trình và nội dung họp; 4. Thời gian, địa điểm họp; 5. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; 6. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; 7. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; 8. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; 9. Các quyết định đã được thông qua; 10. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.(khoản 9 Điều 40) 11. Chủ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT. 12. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. | **Khoản 9 Điều 30**  9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:  a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;  b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.  Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.  Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.  **Khoản 10 Điều 30**  10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.  **Khoản 11 Điều 30**  11. Biểu quyết  a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 30 trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;  b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;  c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;  d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;  e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.  **Khoản 12 Điều 30**  12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.  **Khoản 13 Điều 30**  13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.  **Khoản 14 Điều 30**  14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.  **Khoản 15 Điều 30**  15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. | *Sửa đổi phù hợp Điểm c Khoản 9 Điều 153 LDN 2014*  *Sửa đổi phù hợp Khoản 7, Điều 153 LDN2014*  *Sửa đổi cho phù hợp*  *Sửa đổi phù hợp căn cứ Khoản 9 Điều 153 Luật DN 2014* |
|  | ĐIỀU 42. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc , người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: 1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ  2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này => FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | ĐIỀU 43. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  1. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: 2. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này; 3. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; 4. Có đơn xin từ chức; 5. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của ĐHĐCĐ. 6. Thành viên HĐQT muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn HĐQT sẽ họp và xem xét quyết định sau đó trình ĐHĐCĐ gần nhất. 7. Kể từ khi số thành viên HĐQT, giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ này thì trong thời hạn sáu mươi ngày , HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT. | *Đã quy định tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ sửa đổi* |  |
|  | Không quy định | **Điều 31: Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**  1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.  2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty. | *Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 17 NĐ71* |
|  | Không quy định | **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý**  Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị. | *Sửa đổi theo định nghĩa của NĐ71* |
|  | Không quy định | **Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp**  1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.  2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc. | *Sửa đổi theo định nghĩa của NĐ71* |
|  | ĐIỀU 44. GIÁM ĐỐC  * 1. HĐQT bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.   2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát, trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.   3. Giám đốc không được đồng thời làm Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp khác;   4. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.   5. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó giám đốc và Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác. | **Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**  **Khoản 1 Điều 34**  1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.  **Khoản 2 Điều 34**  2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. | *Sửa đổi phù hợp Khoản 3, Điều 158 LDN2014*  *Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 157 LDN2014* |
|  | ĐIỀU 45. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIÁM ĐỐC  * 1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT;   2. Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;   3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;   4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;   5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;   6. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;   7. Tuyển dụng lao động;   8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;   9. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.   10. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của HĐQT. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty. | **Khoản 3 Điều 34**  3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:  a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;  b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;  c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;  d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;  e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;  f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;  g. Vào ngày ... tháng ... hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;  h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;  i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty. | *Sửa đổi phù hợp Khoản 3 Điều 157 LDN 2014* |
|  | ĐIỀU 46. ỦY QUYỀN CỦA GIÁM ĐỐC  1. Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó giám đốc hoặc người khác thực hiện một số công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình. 2. Người được Giám đốc ủy quyền chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện nội dung ủy quyền. 3. Văn bản ủy quyền phải quy định rõ nội dung và thời hạn hiệu lực của việc ủy quyền. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: 1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ  2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này => FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | ĐIỀU 47. BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA GIÁM ĐỐC Giúp việc cho Giám đốc gồm các Phó Giám đốc, các Trưởng, Phó phòng chức năng của Công ty, các Quản đốc nhà máy, các Trưởng ban dự án có các nhiệm vụ như sau:   1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán vì lợi ích của Công ty và không chiếm đoạt các cơ hội kinh doanh của Công ty. 2. Không được lạm dụng địa vị, quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân hoặc cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty. 3. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với Công ty do những hành vi vi phạm của mình hoặc do không hoàn thành nhiệm vụ dẫn đến thiệt hại. | *Đã quy định tại Điều 33 Điều lệ sửa đổi* |  |
|  | ĐIỀU 48. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN GIÁM ĐỐC Giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện sau:   * 1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;   2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.   3. Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha mẹ ruột, cha mẹ nuôi, con ruột, con nuôi, anh chị em ruột của người quản lý hoặc người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ. | *Đã quy định tại Khoản 2 Điều 34 Điều lệ sửa đổi* |  |
|  | ĐIỀU 49. [TỪ CHỨC, CÁCH CHỨC GIÁM ĐỐC](#TOP7)  * 1. Khi Giám đốc muốn từ chức phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được đơn, HĐQT xem xét và quyết định.   2. Giám đốc bị cách chức theo Quyết định của HĐQT.   3. Giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:  1. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; 2. Thuộc khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp và vi phạm Điều 52 của Điều lệ này.    1. Trường hợp chức danh Giám đốc bị khuyết, HĐQT phải tạm cử người thay thế. Trong thời hạn tối đa 45 ngày, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Giám đốc mới. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: 1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ  2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này => FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | ĐIỀU 50. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC  1. Công ty trả thù lao cho thành viên HĐQT kiêm nhiệm, tiền lương cho thành viên HĐQT chuyên trách, thù lao và tiền lương Giám đốc và người quản lý khác (thuộc thẩm quyền của HĐQT) theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT, Giám đốc được trả theo quy định sau đây: 3. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên; 4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao; 5. Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do HĐQT quyết Thù lao của thành viên HĐQT và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên. 6. Thành viên HĐQT nếu kiêm nhiệm một chức vụ điều hành nào của Công ty sẽ được trả lương và phụ cấp tương ứng với chức vụ đó, ngoài thù lao của thành viên HĐQT. | **Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**  1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.  2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.  3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.  4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.  5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị  a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.  b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. | *Sửa đổi phù hợp Điều 155, Khoản 3 Điều 158 Luật DN* |
|  | ĐIỀU 51. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN  1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của cá nhân họ cho Công ty, bao gồm: 2. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; 3. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ (xem khoản 10 Điều 1 của Điều lệ này) sở hữu hoặc cùng sở hữu với họ cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó. 4. Việc kê khai phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng. 5. Việc kê khai phải được thông báo cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết. 6. Thành viên HĐQT, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty. | Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty. Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.  2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.  3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.  4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.  5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:  a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;  b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;  c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.  Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan. Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.  2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.  3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:  a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;  b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.  4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên. | *Sửa đổi phù hợp Điều 159 LDN 2014* |
|  | ĐIỀU 52. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY  * 1. Thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:  1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của ĐHĐCĐ; 2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty; 3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; 4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.    1. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.    2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: 1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ  2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này => FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | ĐIỀU 53. [HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN](#TOP7)   1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:    * + - 1. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;          2. Thành viên HĐQT, Giám đốc;          3. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 51 của Điều lệ này và người có liên quan của thành viên HĐQT, Giám đốc. 2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch nêu tại khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên HĐQT; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. 3. ĐHCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.  Hợp đồng, giao dịch nêu tại khoản 1 Điều này bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó. | *Bỏ vì đã được quy định tại Điều 41 Điều lệ sửa đổi* |  |
|  | CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT | CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT |  |
|  | Chưa quy định | **Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**  1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.  2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 30% được đề cử đủ số ứng viên.  3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. |  |
|  | ĐIỀU 54. BAN KIỂM SOÁT 1. Kiểm soát viên có ba thành viên do ĐHĐCĐ bầu, hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng BKS. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.Nhiệm kỳ của BKS không quá năm năm; thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.  2. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.  3. Nếu số thành viên BKS bị giảm quá 1/3 so với số thành viên theo quy định tại khoản 1 của Điều này, thì HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ BKS.  Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS do ĐHĐCĐ thông qua. | 1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.  3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. |  |
|  | **ĐIỀU 55. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM KIỂM SOÁT VIÊN :**   1. **Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:**    1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;    2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha mẹ ruột, cha mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác. 2. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty. | 2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, và không thuộc các trường hợp sau:  a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;  b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó. |  |
|  | ĐIỀU 57. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT  1. Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại khoản 5 Điều 25 của Điều lệ này. 2. Triệu tập họp BKS. 3. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên BKS. 4. Chịu trách nhiệm chỉ đạo các thành viên BKS triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của BKS. 5. Ủy quyền cho một trong số thành viên BKS đảm nhiệm công việc của Trưởng BKS trong thời gian mình vắng mặt. 6. Trưởng BKS có nhiệm vụ lập và ký các báo cáo, kết luận, kiến nghị của BKS, trao đổi ý kiến với HĐQT để trình ĐHĐCĐ . 7. Trưởng BKS muốn từ nhiệm chức danh Trưởng BKS phải có đơn, văn bản gửi đến BKS trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, BKS họp và xem xét quyết định. | Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:  a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;  b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;  c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. |  |
|  | ĐIỀU 61. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM BAN KIỂM SOÁT  1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:    1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên theo quy định tại Điều 55 của Điều lệ này;    2. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;    3. Có đơn xin từ chức; 2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, kiểm soát viên có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của ĐHĐCĐ . 3. Trường hợp BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét và miễn nhiệm BKS đương nhiệm và bầu BKS mới thay thế. | 4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:  a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;  b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;  c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;  d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.  5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:  a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;  b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;  c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này. |  |
|  | ĐIỀU 56. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT  1. BKS thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. 3. Thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, tài chính sáu tháng và hằng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định đó lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên. 4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này. 5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.   Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.   1. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. 2. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 52 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 3. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ . 4. BKS có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.   BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.   1. Thành viên BKS muốn từ nhiệm phải có đơn gởi đến BKS để trình ĐHĐCĐ gần nhất quyết định. | **Ban kiểm soát**  1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:  a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;  b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;  c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cổ đông;  d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;  e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.  f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.  3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. |  |
|  | ĐIỀU 58. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT  1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT. 2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT. 3. Thành viên BKS có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc. 4. HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của BKS. | 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị. |  |
|  | ĐIỀU 59. THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA KIỂM SOÁT VIÊN Thù lao và lợi ích khác của kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:   1. Kiểm soát viên được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên; 2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác; 3. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty. | 4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. |  |
|  | ĐIỀU 60. NGHĨA VỤ CỦA KIỂM SOÁT VIÊN  1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. 2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty. 3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. 4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.   Mọi thu nhập và lợi ích khác mà kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.   1. Trường hợp phát hiện có kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. | Trách nhiệm cẩn trọng Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.  2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.  3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.  4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.  5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:  a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;  b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;  c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.  Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.  2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.  3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:  a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;  b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.  4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên |  |
|  | Chưa quy định | **Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**  1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này  2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.  3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.  4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty. |  |
|  | CHƯƠNG V. NGƯỜI LAO ĐỘNG |  |  |
|  | ĐIỀU 62. CHẾ ĐỘ, QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG  * 1. Việc tuyển dụng lao động, trả lương thực hiện theo hợp đồng lao động đuợc ký kết giữa Giám đốc (hoặc người được Giám đốc ủy quyền) với người lao động phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về lao động và Điều lệ này.   2. Giám đốc xây dựng quy chế về việc tuyển dụng, thuê mướn, cho thôi việc, trả lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật và nội quy đối với người lao động của Công ty và trình HĐQT xem xét quyết định.   3. Người lao động phải chấp hành đầy đủ các nội quy lao động, kỷ luật của Công ty, quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của Công ty. | **Công nhân viên và công đoàn**  1. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.  2. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành. |  |
|  | Chương VI. HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP QUỸ VÀ CỔ TỨC |  |  |
|  | Chưa quy định | Tài khoản ngân hàng Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.  2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.  3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản. |  |
|  | ĐIỀU 63. HẠCH TOÁN KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH  1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và phát triển các nguồn vốn, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình. Công ty thực hiện nghĩa vụ về mặt tài chính theo đúng quy định của pháp luật. 2. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam hoặc một hệ thống khác được Bộ Tài Chính chấp thuận. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong hạch toán kế toán. 3. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch đó. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật có liên quan. 4. Trong thời hạn 60 ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc phải hoàn tất các báo cáo tài chính và gởi đến HĐQT, BKS xem xét để trình ĐHĐCĐ ra quyết định. 5. Cuối mỗi năm tài chính, HĐQT và BKS có trách nhiệm xem xét, thông qua các báo cáo của Công ty để trình ĐHĐCĐ gồm:    1. Các báo cáo của Giám đốc về tài chính, tình hình hoạt động, dự kiến kế hoạch hoạt động năm sau và các báo cáo khác (nếu có).    2. Báo cáo thẩm tra của BKS về các báo cáo tài chính. 6. Các bản báo cáo này phải được gởi đến các thành viên HĐQT, thành viên BKS ít nhất trước 30 ngày của kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên để HĐQT và BKS xem xét. 7. Sau cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, các báo cáo nêu tại khoản 5 Điều này cùng biên bản họp ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan khác phải được tập hợp thành hồ sơ lưu trữ tại văn phòng Công ty theo quy định của pháp luật. | Chế độ kế toán 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.  2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.  3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.  **Năm tài chính**  Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó. |  |
|  | ĐIỀU 64. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH QUỸ HĐQT xây dựng phương án phân phối lợi nhuận của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông quyết định. | **Phân phối lợi nhuận**  1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.  2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.  3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.  4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.  5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.  6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật. |  |
|  | **ĐIỀU 65:** **CỔ TỨC**  Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.  Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền hoặc bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam, cổ phần được Công ty chi trả bằng chính cổ phiếu của Công ty.  Việc sử dụng hình thức nào để trả cổ tức do ĐHĐCĐ quyết định, theo từng giai đoạn hoạt động của Công ty.  Tùy tình hình hiệu quả kinh doanh của Công ty, cổ tức có thể được trả cho cổ đông 02 lần trong 01 năm:   1. Lần 1: Cổ tức được tạm ứng sau khi sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm do HĐQT quyết định. 2. Lần 2: Cổ tức còn lại được thanh toán sau khi có quyết định của ĐHĐCĐ .   Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong khoảng thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.  Cổ đông nhận cổ tức tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD). | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: 1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ  2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này => FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | ĐIỀU 66. XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP KINH DOANH THUA LỖ Trong trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, ĐHĐCĐ có thể quyết định giải quyết theo hai phương án sau:   1. Trích quỹ dự trữ bắt buộc để bù lỗ. 2. Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời quyết định các biện pháp khắc phục khác. 3. Trường hợp khác thì giải quyết theo Điều 73 của Điều lệ này. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: 1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ  2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này => FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | Chương VII. CHẾ ĐỘ KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ LƯU GIỮ TÀI LIỆU |  |  |
|  | ĐIỀU 67. KIỂM TOÁN  1. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được công ty kiểm toán độc lập xác nhận trước khi trình ĐHĐCĐ . 2. Việc chọn Công ty kiểm toán do HĐQT quyết định,nhưng không duy trì việc lựa chọn một Công ty kiểm toán nào liên tục quá hai năm. | Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.  2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.  3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.  4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. |  |
|  | ĐIỀU 68. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO  1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật trong thời hạn chín mươi ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính. 2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính cùng với báo cáo của BKS phải được gửi tới tất cả các thành viên HĐQT, BKS để xem xét trình ĐHĐCĐ thông qua. 3. Báo cáo tài chính phải được gửi đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. | Báo cáo tài chính năm 1. Công ty phải lập bản Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.  2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.  4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.  5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp. |  |
|  | Chưa quy định | **Báo cáo thường niên**  Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. |  |
|  | ĐIỀU 69. LƯU GIỮ TÀI LIỆU TẠI CÔNG TY  1. Các tài liệu sau đây phải được lưu giữ tại Công ty:    1. Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; sổ đăng ký cổ đông;    2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;    3. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;    4. Biên bản họp ĐHĐCĐ , HĐQT; các quyết định của Công ty;    5. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;    6. Báo cáo của BKS , kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;    7. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;    8. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.  Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: 1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ  2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này  => **FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định**. |  |
|  | Chương VIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP |  |  |
|  | ĐIỀU 70. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ  1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính :    1. Giữa một cổ đông hay nhóm cổ đông với Công ty;    2. Giữa một Cổ đông hay nhóm cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.    3. Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải.    4. Trường hợp tranh chấp liên quan giữa các thành viên HĐQT thì Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu việc tranh chấp này không giải quyết được thì bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu BKS chỉ định một chuyên gia độc lập với tư cách là trọng tài cho việc giải quyết tranh chấp. 2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 6 tuần trừ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế. 3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu. 4. Trong quá trình giải quyết tranh chấp không một bên nào có hành vi cản trở hoạt động kinh doanh của Công ty. 5. Công ty không xem xét bất cứ khiếu nại nặc danh nào. | Giải quyết tranh chấp nội bộ 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:  a. Cổ đông với Công ty;  b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay người điều hành khác;  Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải.  Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.  2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.  3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án. |  |
|  | ĐIỀU 71. TỐ TỤNG TRANH CHẤP  1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi tham gia tố tụng, tranh chấp. 2. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, Công ty tuân theo các quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. 3. Mọi cổ đông của Công ty đều có quyền khiếu nại trực tiếp để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình và quyền lợi của Công ty. | FPTS đề xuất bỏ bởi vì: 1. Theo quy định về Điều lệ công ty tại Điều 25 Luật DN 2014 thì không yêu cầu có nội dung này trong Điều lệ  2. Ngoài ra, Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC cũng không quy định điều này => FPTS khuyến nghị DN nên sửa Điều lệ theo chuẩn của Điều lệ mẫu đã quy định. |  |
|  | Chương IX. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ |  |  |
|  | ĐIỀU 72. CHIA, TÁCH, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY Công ty thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty theo các quy định của Luật doanh nghiệp. |  |  |
|  | Chưa quy định | **Con dấu**  1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.  2. Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. |  |
|  | ĐIỀU 73. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY  1. Công ty bị giải thể, phá sản trong các trường hợp sau đây:    1. Theo quyết định của của ĐHĐCĐ ;    2. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.    3. Khi Công ty bị lỗ ¾ vốn cổ phần, mọi cổ đông có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHCĐ bất thường để xem xét và quyết định việc giải thể Công ty. 2. Sau khi có quyết định giải thể Công ty của ĐHĐCĐ, HĐQT và BKS phải tiến hành đúng trình tự và các thủ tục giải thể, phá sản doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. 3. Khi Công ty lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn, sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết nhưng không thoát khỏi tình trạng này và có đơn yêu cầu tuyên bố phá sản thì việc phá sản Công ty sẽ giải quyết theo quy định của Luật phá sản doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. | Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:  a. Khi Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;  b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;  d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.  2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định. |  |
|  | Chưa quy định | **Gia hạn hoạt động**  1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.  2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. |  |
|  | **ĐIỀU 74. THANH LÝ GIẢI THỂ**  Sau khi có quyết định giải thể Công ty, ĐHĐCĐ thành lập Ban Thanh lý thay thế cho HĐQT. Ban thanh lý có ít nhất 3 thành viên, trong đó có 2 thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và 1 thành viên do HĐQT chỉ định.  Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Ban Thanh lý cùng với BKS chuẩn bị các thủ tục theo quy định để thực hiện công việc của mình. Ban Thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập để giúp việc.  Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án, các cơ quan hành chính, tổ chức và cá nhân có liên quan.  Tiền thu được từ thanh lý dùng thanh toán theo thứ tự sau:   1. Các chi phí liên quan đến hoạt động thanh lý; 2. Tiền lương, chi phí bảo hiểm và các chế độ khác theo uy định của pháp luật cho công nhân viên; 3. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước; 4. Các khoản vay (nếu có); 5. Các khoản nợ khác của Công ty; 6. Số dư còn lại sau khi thanh toán các khoản nợ nêu trên được phân chia cho các cổ đông. | Thanh lý 1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.  2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.  3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:  a. Các chi phí thanh lý;  b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;  c. Nợ thuế;  d. Các khoản vay (nếu có);  e. Các khoản nợ khác của Công ty;  f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước. |  |
|  | ĐIỀU 75. THỰC HIỆN, BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ  * 1. Công ty ban hành các quy chế để cụ thể hoá và thực hiện Điều lệ này.   2. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.   3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty. | **Điều lệ công ty**  1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.  2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty. |  |
|  | ĐIỀU 76. HIỆU LỰC THI HÀNH  * 1. Điều lệ này gồm 10 chương 77 Điều đã được thông qua tại ĐHCĐ thường niên lần II của Công ty Cổ phần TICO ngày 17 tháng 5 năm 2016.   2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua.   3. Điều lệ này là chính thức của Công ty.   4. Các cổ đông, thành viên HĐQT, kiểm soát viên, thành viên Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ - công nhân viên Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ này.  ĐIỀU 77. ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và gửi các cơ quan khác theo quy định.  Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc hai thành viên HĐQT mới có giá trị. | **Ngày hiệu lực**  1. Bản Điều lệ này gồm… chương … Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty .. nhất trí thông qua ngày ..tháng … năm … tại Đại hội đồng cổ đông …, được điều chỉnh, bổ sung lần thứ … tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm … ngày … tháng … năm …. và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.  2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:  a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;  b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;  c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.  3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.  4. Điều lệ Công ty được sửa đổi bổ sung phải có họ, tên và chữ ký của người đại diện theo pháp luật Công ty. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. |  |